

Bản án số: 144/2021/HS-PT

Ngày: 12/3/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Duyên

*Các Thẩm phán:* Ông Trần Văn Mười

Ông Dương Tuấn Vinh

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Phương Thu – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Bùi Văn Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 03 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 599/2020/HS-PT ngày 22 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo Lê Thanh T do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 60/2020/HS-ST ngày 15/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

***- Bị cáo có kháng cáo:***

Lê Thanh T, sinh năm 1968 tại tỉnh Hải Dương;

HKTT và chỗ ở: Khu phố 4, phường HC, thị xã PM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: Chủ doanh nghiệp tư nhân TM-DV-XD-SX TT. Trụ sở Công ty: phường HD, thị xã PM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; trình độ văn hóa: 10/10; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; cha Lê Nguyên Th; mẹ Nguyễn Thị B; vợ Nguyễn Thị Nh; con: 02 con, lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 1997;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt ngày 11/01/2019 (có mặt tại phiên tòa).

*Người bào chữa cho bị cáo Lê Thanh T:* Luật sư Nguyễn Thị B, Văn phòng luật sư LC – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

***- Bị hại:***

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1958; địa chỉ: 09 XVNT, phường TT, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

- *Kháng cáo kháng nghị*: Bị cáo Lê Thanh T kháng cáo bản án sơ thẩm.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

#### **1 – Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền, vàng, ngoại tệ của Lê Thanh T đối với bà Nguyễn Thị H:**

Lê Thanh T là chủ Doanh nghiệp tư nhân TM-DV-XD-SX TT có trụ sở tại phường HD, thị xã PM, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Do kinh doanh thua lỗ, nợ nần tiền bạc của nhiều người với số lượng lớn. Biết bà Nguyễn Thị H, trú tại số 09 XVNT, phường TT, TP Vũng Tàu có tiền nên T tiếp cận, nói dối với bà H là T đang làm đάo hạn ngân hàng, đang làm dự án lớn trồng rừng và khai thác rừng tại Campuchia đã được ngân hàng chấp thuận giải ngân số tiền lớn nên đề nghị bà H cho vay tiền để đầu tư kinh doanh, hứa hẹn sẽ trả lãi suất là 5%/1 tháng. T đưa cho bà H xem nhiều giấy tờ nhà đất mà T hoặc người nhà T đang quản lý, đứng tên chủ quyền trong các hồ sơ với mục đích để bà H tin tưởng đưa tiền cho T vay nhưng thực chất đã bị T lừa dối để chiếm đoạt.

Từ tháng 3/2010 đến tháng 10/2010, với thủ đoạn gian dối nêu trên, T đã nhiều lần lừa dối để chiếm đoạt của bà H cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 04/3/2010, T nói dối là đang cần tiền để kinh doanh nên đề nghị bà H cho vay 500 triệu đồng, thời hạn 2 tháng, hứa hẹn lãi suất 5%/1 tháng. Tin tưởng là thật nên bà H đã cho T vay 500.000.000 đồng nhưng thực chất đã bị T chiếm đoạt.

- Lần 2: Ngày 17/5/2010, T nói dối là đang cần tiền đầu tư trồng rừng tại Campuchia nên đề nghị bà H cho vay 1.000.000.000 đồng, thời hạn 2 tháng, hứa hẹn lãi suất 5%/1 tháng. Để củng cố niềm tin cho bà H, T giao cho bà H 1 giấy CNQSDĐ số seri AM156536 đứng tên Trần Thị N đã ủy quyền vĩnh viễn cho Nguyễn Thị Nh (vợ T). Tin tưởng là thật nên bà H đã giao cho T 1 tỷ đồng nhưng thực chất đã bị T chiếm đoạt. Đến ngày 26/5/2010, T lại nói dối yêu cầu bà H cho T mượn lại giấy CNQSDĐ số seri AM156536 để T làm thủ tục vay ngân hàng. Tin tưởng là thật nên bà H đã giao lại Giấy CNQSDĐ số seri AM156536 cho T mà không biết sau khi nhận giấy tờ đất thì T đem bán cho người khác.

- Lần 3: Ngày 24/5/2010, T đi cùng cùng vợ Nguyễn Thị Nh (vợ T) đến gặp bà H, T nói dối là đang cần tiền để kinh doanh nên đề nghị bà H cho vay 1.000.000.000 đồng. Để củng cố niềm tin cho bà H, T giao cho bà H Giấy CNQSDĐ số seri BB095802 tọa lạc tại ấp 2, xã HD, TT Bà Rịa - Vũng Tàu (có 185m<sup>2</sup> thổ cư). Tin tưởng là thật nên bà H đã giao cho T 1 tỷ đồng nhưng thực chất đã bị T chiếm đoạt. Sau đó, T lại nói dối bà H do giấy tờ đất này T chưa đứng tên chủ quyền nên đề nghị bà H cho T mượn lại để làm thủ tục sang tên rồi

sẽ giao lại cho bà H sau. Tin tưởng là thật nên bà H đã giao lại giấy CNQSDĐ số seri BB095802 cho T mà không biết sau khi nhận giấy tờ đất thì T đã đem bán cho người khác.

- Lần 4: Ngày 16/7/2010, T nói dối là đang cần tiền để kinh doanh nên đề nghị bà H cho vay 950.000.000 đồng. Tin tưởng là thật nên bà H đã giao cho T 950.000.000 đồng nhưng thực chất đã bị T chiếm đoạt.

- Lần 5: Ngày 21/7/2010, T nói dối là đang cần tiền để kinh doanh nên đề nghị bà H cho vay 40.000.000 đồng, thời hạn vay 3 tháng. Tin tưởng là thật nên bà H đã giao cho T 40.000.000 đồng nhưng thực chất đã bị T chiếm đoạt.

- Lần 6: Ngày 11/9/2010, T nói dối là đang cần tiền để kinh doanh nên đề nghị bà H cho vay T vay 30.000.000 đồng, thời hạn 1 tháng. Tin tưởng là thật nên bà H đã giao cho T 30.000.000 đồng nhưng thực chất đã bị T chiếm đoạt.

- Lần 7: Ngày 16/9/2010, T nói dối là đang cần tiền để kinh doanh nên đề nghị bà H cho vay T vay 12.000.000 đồng, thời hạn 1 tháng. Tin tưởng là thật nên bà H đã giao cho T 12.000.000 đồng nhưng thực chất đã bị T chiếm đoạt.

- Lần 8: Ngày 01/10/2010, T nói dối là đang cần tiền để kinh doanh nên đề nghị bà H cho vay 20.000.000 đồng. Tin tưởng là thật nên bà H đã giao 20.000.000 đồng cho Nhung (vợ T) đến nhận tiền về giao lại cho T chiếm đoạt.

- Lần 9: Ngày 14/10/2010, T nói dối là đang cần vốn để kinh doanh nên đề nghị bà H cho vay 2 chỉ vàng 9999, thời hạn 1 tháng. Tin tưởng là thật nên bà H đã giao 2 chỉ vàng 9999 cho Lê Chí Thành (em T) đến nhận vàng về giao lại cho T chiếm đoạt.

- Lần 10: Một lần không rõ ngày, T nói dối cần vốn để kinh doanh tại Campuchia nên đề nghị bà H cho vay 5.600 USD. Tin tưởng là thật nên bà H đã giao 5.600 USD cho Đoàn Xuân Trường (con trai bà H) để giao lại cho T chiếm đoạt.

**2 – Hành vi gian dối của Lê Thanh T đối với vợ chồng ông Lưu Công Q - bà Dương Thị G, vợ chồng ông Lê Văn Tr - bà Phan Thị T, vợ chồng ông Phan Văn B - bà Phan Thị S, và ông Trần Ngọc Th:**

Vào các năm 2009 - 2010, do làm ăn thua lỗ và nợ nhiều tiền, nên Lê Thanh T có hành vi lợi dụng sự thiếu hiểu biết pháp luật về đất đai và tín dụng ngân hàng của vợ chồng ông Lưu Công Q - bà Dương Thị G, vợ chồng ông Lê Văn Tr - bà Phan Thị T, vợ chồng ông Phan Văn B - bà Phan Thị S, và ông Trần Ngọc Th là những bà con nông dân ở huyện Châu Đức, huyện TT (nay là thị xã PM) có nhu cầu vay vốn ngân hàng để đầu tư canh tác vườn rẫy với số tiền không lớn nhưng hồ sơ, thủ tục vay vốn khó khăn, nên T đã hứa hẹn đứng ra vay tiền ngân hàng giúp với điều kiện bà con nông dân phải ký hợp đồng ủy quyền hoặc hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất sang tên cho T hoặc người

nhà của T đứng tên. Tin tưởng T là người ngay thẳng nên 4 hộ dân nêu trên đã cùng T làm giấy tay thỏa thuận sự việc rồi cùng T đến các Văn phòng công chứng ký hợp đồng ủy quyền hay hợp đồng chuyển nhượng đất cho T hay người nhà của T đứng tên.

Sau khi có giấy tờ đất trong tay, T đã đem lô đất 15.480 m<sup>2</sup> theo giấy CNQSDĐ số seri K 794145 do UBND huyện Châu Đức cấp ngày 16/10/1997 của ông Trần Ngọc Th (định giá 799.229.000 đồng) bán cho người khác lấy 400 triệu đồng mà không giao cho ông Thuật đồng nào.

Còn các lô đất 6.441 m<sup>2</sup> theo GCNQSDĐ số seri P813306 của ông bà Lưu Công Q - Dương Thị G (định giá 246.999.000 đồng), lô đất 3809m<sup>2</sup> theo GCNQSDĐ số seri T 964767 của ông bà Lê Văn Tr - Phan Thị T (định giá 273.526.000 đồng); lô đất 500 m<sup>2</sup> theo GCNQSDĐ số seri AD 671838 của ông bà Phan Văn B - Phan Thị S (định giá 196.000.000 đồng) thì T đem thế chấp vay vốn Ngân hàng HD Bank chi nhánh Vũng Tàu theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số HM10/0046/VT ngày 02/8/2010 với số tiền 2 tỷ đồng. Sau khi nhận tiền từ HD Bank, T chỉ đưa cho ông bà Quý - Gàn số tiền 37 triệu đồng, đưa cho ông bà Bày - Sen số tiền 150 triệu đồng và lấy lại 15 triệu đồng dịch vụ, riêng ông bà Trương - Thê thì T không đưa đồng nào.

Sau khi chiếm đoạt tiền, vàng của bà H và vay tiền của HD Bank, T không trả nợ gốc và lãi rồi bỏ trốn. Bà H và các hộ dân bị mất đất đã tố cáo T về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Ngày 28/02/2013, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can, Lệnh Bắt bị can để tạm giam số 04/LBTG ngày 13/02/2015, Quyết định truy nã số 02/PC45 ngày 10/3/2015 đối với Lê Thanh T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999.

Ngân hàng HD Bank cũng đã khởi kiện T và được Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ngày 19/7/2011, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã xét xử ra Bản án KDTM sơ thẩm số 35/2011/KDTM-ST tuyên xử T phải trả cho HD Bank tiền vốn 2 tỷ đồng, lãi trong hạn 95.916.667 đồng, lãi phạt 2.373.717 đồng, lãi quá hạn 223.791.667 đồng và HD Bank có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án bán đấu giá các lô đất T dùng để thế chấp theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số HM10/0046/VT trong đó có các lô đất của ông bà Quý - Gàn, ông bà Trương - Thê, ông bà Bày - Sen. Tuy nhiên, đến ngày 25/12/2014, Tòa kinh tế Tòa án nhân dân tối cao đã ra Quyết định giám đốc thẩm số 66/2014/KDTM-GĐT hủy Bản án 35/2011/KDTM-ST ngày 19/7/2011 để yêu cầu xét xử lại. Ngày 27/4/2015, Tòa án tỉnh đã ra Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án số 04/2015/QĐST-KDTM vụ tranh chấp giữa HD Bank với T.

Ngày 11/01/2019, Cơ quan điều tra đã bắt được T ở xã Ia Dom, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai và tiến hành phục hồi điều tra theo quy định. Ngày 19/11/2019,

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã có Cáo trạng số 78/CT-VKS-P2 truy tố Lê Thanh T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền, vàng, ngoại tệ của bà Nguyễn Thị H và chiếm đoạt giá trị quyền sử dụng đất của các hộ dân Lưu Công Q - Dương Thị G, Lê Văn Tr - Phan Thị T, Phan Văn B - bà Phan Thị S, và ông Trần Ngọc Th.

Ngày 05/5/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã đưa vụ án ra xét xử công khai, sau một ngày xét xử, Tòa án tỉnh ra Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 02/2020/HSST-QĐ ngày 26/5/2020 yêu cầu tách hành vi của Lê Thanh T liên quan đến vợ chồng Lưu Công Q - bà Dương Thị G, vợ chồng ông Lê Văn Tr - bà Phan Thị T, vợ chồng ông Phan Văn B - bà Phan Thị S, và đối với ông Trần Ngọc Th ra khỏi vụ án này để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự và xác định lại tội danh lừa đảo hay lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của bà H.

Qua đánh giá kết quả điều tra, kết quả xét xử công khai tại phiên tòa ngày 05/5/2020, xét thấy:

*- Đối với vụ Lê Thanh T chiếm đoạt tiền, vàng, ngoại tệ của bà H:*

Do có ý thức chiếm đoạt tài sản của bà H từ trước, nên T đã có hành vi với các thủ đoạn gian dối cung cấp thông tin không đúng sự thật là T đang làm đảo hạn ngân hàng, đang làm dự án lớn trồng rừng và khai thác rừng tại Campuchia đã được ngân hàng chấp thuận giải ngân số tiền lớn nên T đề nghị bà H cho vay tiền để kinh doanh, hứa hẹn sẽ trả lãi suất 5%/tháng. Tin tưởng T là người ngay thẳng, thông tin T đưa ra là chính xác nên bà H mới giao tiền, vàng và ngoại tệ tổng số 3.552.000.000 đồng, 02 chỉ vàng và 5.600 USD cho T vay nhưng thực chất đã bị T lừa dối để chiếm đoạt. Toàn bộ tài sản chiếm đoạt được, T sử dụng vào việc cá nhân, hoàn toàn không trả vốn, lãi cho bà H mà bỏ trốn để chiếm đoạt. Hành vi của Lê Thanh T có đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 174 của Bộ luật hình sự.

*- Đối với các vụ việc T lừa dối đối với vợ chồng ông Lưu Công Q - bà Dương Thị G, vợ chồng ông Lê Văn Tr - bà Phan Thị T, vợ chồng ông Phan Văn B - bà Phan Thị S, và ông Trần Ngọc Th:*

Kết quả điều tra và kết quả phiên tòa xét xử ngày 05/5/2020, nhận thấy việc các hộ dân nhờ T đứng ra làm thủ tục vay vốn ngân hàng giúp các hộ dân là có thật, giữa các bên có làm giấy tay ghi rõ thỏa thuận sự việc trước khi cùng nhau đi công chứng các hợp đồng ủy quyền hay hợp đồng chuyển nhượng sang tên đất cho T hay người nhà của T đứng tên. Từ đó đến nay, các hộ dân vẫn đang sinh sống, canh tác ổn định trên đất của mình, nên các hợp đồng công chứng giữa T ký kết với các hộ dân đều là hợp đồng vô hiệu do giả tạo. Xét hậu quả pháp lý của hợp đồng dân sự vô hiệu phải được giải quyết theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự nên quan điểm của Tòa án nhân dân tỉnh và Cơ quan điều tra

không xử lý hình sự T về hành vi chiếm đoạt giá trị quyền sử dụng đất của 4 hộ dân nêu trên (giá trị theo định giá 1.515.754.000 đồng) là có căn cứ.

### **Phần dân sự trong vụ án:**

Tại phiên tòa sơ thẩm; bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 3.552.000.000 đồng, 02 chỉ vàng 9999 và 5.600 USD và 585.000.000 đồng tiền bà H chuộc sổ đỏ, cộng chung là 4.137.000.000 đồng, 02 chỉ vàng và 5.600 USD.

Ngoài ra bà H yêu cầu bị cáo phải trả tiền lãi cho số tiền trên từ tháng 10/2010 đến ngày 20/8/2020 là 7.424.862.000 đồng. Theo bà H mức lãi suất trên là dưới 20% /năm.

Cộng gốc và lãi là 11.561.862.000 đồng.

Bị cáo đồng ý theo yêu cầu đòi bồi thường của bà H, nhưng đề nghị bà H tạo điều kiện cho bị cáo thanh toán tiền gốc trước và thanh toán tiền lãi sau.

Ngoài ra, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo T hoàn trả cho bà Huyền 585.000.000 đồng là tiền bà H chuộc Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất thay cho bị cáo.

Tại Bản Cáo trạng số 65/CT-VKS-P2 ngày 22 tháng 07 năm 2020 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu truy tố Lê Thanh T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2020/HS-ST ngày 15/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định:*

#### **I. Trách nhiệm hình sự:**

Tuyên bố bị cáo Lê Thanh T phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Lê Thanh T 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/01/2019.

#### **II. Trách nhiệm bồi thường dân sự:**

*1/ Đối với bị hại Nguyễn Thị H:*

Áp dụng: Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585 và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc bị cáo Lê Thanh T phải trả lại cho các bị hại Nguyễn Thị H số tiền nợ gốc là 4.137.000.000 đồng và 7.424.862.000 đồng tiền lãi tính từ tháng 10/2010 đến ngày 20/8/2020; 02 chỉ vàng và 5.600 USD.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, kháng nghị theo luật định.

Ngày 22/9/2020, bị cáo Lê Thanh T kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét phần dân sự liên quan đến tình tiết khắc phục hậu quả của bị cáo trong vụ án; yêu cầu Tòa án triệu tập người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Chí Thành (em trai mình) có mặt làm thủ tục cho bị cáo trả nợ cho bị hại, Ngân hàng và tài sản cho các hộ dân. Ngày 24/9/2020, bị cáo làm đơn kháng cáo bổ sung đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **Tại phiên tòa phúc thẩm**

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử. Bị cáo kháng cáo đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo do bị cáo đã nỗ lực khắc phục xong hậu quả cho bị hại. Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân bị cáo đã có thời gian phục vụ trong quân đội. Ngoài ra, bị cáo đã khắc phục toàn bộ hậu quả, trả toàn bộ số tiền gốc và lãi cho bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa lại phần trách nhiệm bồi thường dân sự của bản án sơ thẩm với nội dung trách nhiệm dân sự bị cáo đã khắc phục xong.

Bị cáo cung cấp đơn xin giảm nhẹ hình phạt của bị hại là bà Nguyễn Thị H ngày 05 tháng 1 năm 2021 có nội dung xác nhận bị cáo T đã khắc phục hậu quả trả toàn bộ số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt và tiền lãi; đơn xin rút đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Phát triển Hồ Chí Minh ngày 14 tháng 12 năm 2020; đơn xin rút đơn khởi kiện của bà Phạm Thị S, ông Phạm Văn B ngày 17 tháng 12 năm 2020; đơn xin rút đơn khởi kiện của bà Dương Thị G, ông Lưu Công Q ngày 17 tháng 12 năm 2020; đơn xin rút đơn khởi kiện của ông Lê Văn Tr, bà Phan Thị T ngày 16 tháng 12 năm 2020.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại bà Nguyễn Thị H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Xác nhận bị cáo T đã trả toàn bộ số tiền chiếm đoạt cùng số tiền lãi sau phiên tòa sơ thẩm. Bị hại đồng ý việc sửa lại phần trách nhiệm bồi thường dân sự như đề nghị của bị cáo vì bị cáo đã hoàn trả lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt cũng như lãi theo thỏa thuận.

### *Phần tranh luận:*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo Lê Thanh T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm khoản 4, Điều 175 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã khắc phục toàn bộ hậu quả cho bị hại bao gồm số tiền chiếm đoạt và tiền lãi phát sinh. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo sửa bản án sơ thẩm, giảm hình phạt cho bị cáo T từ 1 đến 2 năm tù.

*- Luật sư bào chữa cho bị cáo T tranh luận:*

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm việc không cho bị cáo hoãn phiên tòa sơ thẩm để tiến hành khắc phục hậu quả, đây là tình tiết bất lợi cho bị cáo nên đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo đồng ý với phần bào chữa của luật sư và bổ sung: Bị cáo do không hiểu biết pháp luật, bị cáo không cố ý phạm tội mà do làm ăn thua lỗ nên phải đi tìm vốn để trả nợ, gia đình bị cáo khó khăn, mong được Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại bà Nguyễn Thị H tranh luận: Gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo đã khắc phục toàn bộ hậu quả. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo được sớm trở về với gia đình.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo mong muốn được giảm án, sớm được trở về với gia đình và có nguyện vọng mở trường dạy nghề cho những người ra tù mà không có công ăn việc làm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

Qua xem xét toàn bộ hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử thấy rằng về hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Kiểm sát viên, Tòa án cấp sơ thẩm trong quá trình điều tra, truy tố đã tuân thủ nghiêm chỉnh theo thủ tục tố tụng trong việc thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo, lời trình bày của người bị hại về việc bị cáo Lê Thanh T có hành vi vay tiền bị hại 10 lần và chiếm đoạt cụ thể như sau: Bị cáo T do cần tiền để làm ăn phát triển kinh doanh nên từ tháng 3 đến tháng 10 năm 2010 bị cáo 10 lần vay tiền bà H với số tiền là 3.552.000.000 đồng, 02 chỉ vàng và 5.600 USD, có thời hạn từ một đến ba tháng, nhưng sau khi nhận được tiền thông qua các hợp đồng bị cáo không thực hiện cam kết trả nợ và rời địa phương trốn tránh đi nhiều nơi, cắt mọi liên lạc với bà H; bà H đã tố cáo sự việc đến Cơ quan Công an và đến ngày 11/01/2019 bị cáo bị bắt. Tại Cơ quan Điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bị cáo khai nhận



hành vi phạm tội và cho rằng do làm ăn thua lỗ không có tiền trả bà H nên bị cáo trốn tránh đi nơi khác trong nhiều năm mục đích để làm ăn trả nợ.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo phạm tội “Lạm dụng tính nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 140 Bộ luật hình sự 1999. Tòa án cấp sơ thẩm so sánh điều luật năm 1999 và 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, nhận thấy khung hình phạt tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự 2015 về tội “Lạm dụng tính nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định nhẹ hơn so với điều luật năm 1999, nên đã vận dụng điều luật 2015 để xử phạt bị cáo là phù hợp. Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định và xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo.

Xét kháng cáo của bị cáo T về xin giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử 14 năm tù là có sự xem xét cân nhắc giữa các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm có tình tiết mới là việc bị cáo đã trả toàn bộ số tiền chiếm đoạt và số tiền lãi phát sinh cho bị hại nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự “*Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả*” để giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

Ngoài ra, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sửa lại phần trách nhiệm dân sự do bị cáo đã thực hiện xong. Tại phiên tòa bị cáo và bị hại bà Nguyễn Thị H đã xác nhận việc bị cáo đã thực hiện xong phần trách nhiệm bồi thường dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử sửa lại phần trách nhiệm dân sự và án phí dân sự sơ thẩm của bản án sơ thẩm.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử đồng ý với ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo. Sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm, bị cáo được chấp nhận kháng cáo, nên không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

I/ Chấp nhận nội dung yêu cầu kháng cáo của bị cáo Lê Thanh T. Sửa bản án sơ thẩm số 60/2020/HSST ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

1. Tuyên bố bị cáo Lê Thanh T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ khoản 4 Điều 175; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thanh T 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ 11/01/2019.

Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo việc thi hành án.

2. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị cáo đã thực hiện xong

3. Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Lê Thanh T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

II/ Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Thanh T không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Cục THADS tỉnh BR-VT;
- Công an tỉnh BR-VT;
- Sở tư pháp tỉnh BR-VT;
- TTG công an tỉnh BR-VT;
- (Tổng đạt cho bị cáo)
- Bị hại;
- Lưu (10) 25b (Án VTPT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Duyên**